

Số: 62/QĐ-UB

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 1987*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành “Quy định về quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của  
các đơn vị kinh tế cơ sở quốc doanh do thành phố  
và quận, huyện quản lý”**

(Thi hành Nghị quyết 306 Bộ Chính trị và  
Quyết định 76 của Hội đồng Bộ trưởng.)

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đã được Quốc hội thông qua ngày 30 tháng 6 năm 1983 ;
- Để vận dụng thí điểm thi hành Nghị quyết 306 (dự thảo) của Bộ Chính trị và Quyết định 76/HĐBT ngày 26-6-1986 của Hội đồng Bộ trưởng;
- Sau khi tiến hành thí điểm đổi mới cơ chế quản lý, mở rộng quyền tự chủ sản xuất kinh doanh cho đơn vị kinh tế cơ sở ở một số xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, sơ kết rút kinh nghiệm, trung cầu ý kiến rộng rãi của các Giám đốc xí nghiệp quốc doanh, thủ trưởng các sở và cơ quan chức năng tổng hợp ;

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.-** Ban hành “Quy định về quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở quốc doanh do thành phố, và quận, huyện quản lý”.

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

**Điều 2.-** Thủ trưởng các sở, cơ quan chức năng tổng hợp chịu trách nhiệm ra văn bản hướng dẫn thi hành trong phạm vi lĩnh vực mình phụ trách, chậm nhất là sau 01 tháng kể từ ngày ban hành quyết định này.

(14 cơ quan đã được Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố phân công ra văn bản hướng dẫn, ghi trong thông báo số 27/TT-UB ngày 13-3-1987 của Ủy ban nhân dân thành phố về cuộc họp bàn việc hướng dẫn thực hiện Nghị quyết 306 và Quyết định 76/HĐBT.

**Điều 3 :** Quy định ban hành kèm theo quyết định này mang tính chất vận dụng thí điểm, nên phải vừa làm, vừa rút kinh nghiệm để tiếp tục bổ sung, sửa đổi hoàn chỉnh.

Trong quá trình thực hiện Ủy ban nhân dân thành phố sẽ xem xét đề nghị của các đơn vị cơ sở, các ngành, các cấp để quyết định bổ sung sửa đổi cho phù hợp với điều kiện, tình hình thực tiễn thành phố, phù hợp với chủ trương, nghị quyết của Đảng và Nhà nước.

**Điều 4 :** Các đồng chí Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các sở, thủ trưởng cơ quan đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, Giám đốc các đơn vị kinh tế cơ sở quốc doanh có trách nhiệm thì hành quyết định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ  
K/T CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Lê Văn Triết**

## **QUY ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH**

### **Ban hành về quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở quốc doanh do Thành phố, Quận, Huyện quản lý**

*(Thi hành Nghị quyết 309 (dự thảo) của Bộ Chính trị  
và QĐ 76 của HĐBT)*

#### **PHẦN THỨ NHẤT**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH TỔNG QUÁT VỀ ĐƠN VỊ KINH TẾ CƠ SỞ QUỐC DOANH**

#### **I. VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA CÁC ĐƠN VỊ KINH TẾ CƠ SỞ QUỐC DOANH:**

1. Các Liên hiệp xí nghiệp, Công tụy, Xí nghiệp liên hợp, Xí nghiệp là đơn vị tế bào kinh tế xã hội của thành phố thuộc các ngành công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, xây dựng, giao thông vận tải... do thành phố và các quận, huyện quản lý (sau đây gọi tắt là Xí nghiệp) là cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc sở hữu Nhà nước, có đầy đủ tư cách pháp nhân, là cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc sở hữu Nhà nước, có đầy đủ tư cách pháp nhân, là nơi giai cấp công nhân tạo ra của cải vật chất, văn hóa cho xã hội, tạo tích lũy cho Nhà nước, thực hiện quá trình tái sản xuất mở rộng. Xí nghiệp là trường học quản lý kinh tế xã hội để công nhân và trí thức xây dựng chủ nghĩa xã hội và thực hiện 3 cuộc cách mạng nhằm phát triển nền kinh tế quốc dân bằng việc phát triển lực lượng sản xuất đi đôi với hoàn thiện quan hệ sản xuất XHCN. Xí nghiệp còn là nơi xây dựng, đào tạo con người mới XHCN, là pháo đài và là hậu cần vững chắc cho nền quốc phòng và an ninh của thành phố.

(XNCTHD sẽ có thể chế riêng còn có lãi, vốn, g/c CN, chủ.)

2. Mọi hoạt động của Xí nghiệp đặt dưới sự lãnh đạo của Cấp ủy Đảng, do sự

quản lý, điều hành trực tiếp của Giám đốc, công nhân viên chức tham gia quản lý theo các nguyên tắc quản lý kinh tế XHCN như Nghị quyết 19 của Thành ủy.

Hoạt động của xí nghiệp lấy kế hoạch làm trung tâm. Kế hoạch của xí nghiệp được xây dựng phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của thành phố và dựa trên nguyên tắc hạch toán kinh tế kinh doanh XHCN, tự hoàn vốn bảo đảm sản xuất kinh doanh có lãi để tích lũy tái sản xuất mở rộng.

## II. NHIỆM VỤ CỦA XÍ NGHIỆP :

– Thực hiện Nghị quyết 8 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa 5) và Nghị quyết Đại hội IV Đảng bộ thành phố, Nghị quyết Đại hội VI toàn quốc, Xí nghiệp quốc doanh địa phương được chuyển sang thực hiện chế độ hạch toán kinh tế, kinh doanh XHCN, mỗi xí nghiệp phải thực hiện được nguyên tắc tự cân đối, tự hoàn vốn, tự phát triển và hiện đại hóa, làm đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, nâng cao đời sống của người lao động trong xí nghiệp, góp phần tu bổ và xây dựng cơ sở hạ tầng nơi xí nghiệp đóng.

– Thực hiện sản xuất – kinh doanh có lãi, sử dụng có hiệu quả công suất máy móc thiết bị, sản xuất ra sản phẩm có chất lượng cao, hiện đại hóa phương pháp công nghệ và tổ chức sản xuất, đảm nhận vai trò chủ đạo của xí nghiệp quốc doanh trong ngành kinh tế kỹ thuật.

– Nghiên cứu nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, cải tiến kỹ thuật, áp dụng tiến bộ kỹ thuật các công nghệ sản xuất tiên tiến, để giảm giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm, gắn sản xuất với tiêu thụ, tăng nhanh vòng quay và hiệu quả của đồng vốn.

## III. THỰC HIỆN CƠ CHẾ ”ĐẢNG LÃNH ĐẠO, NHÂN DÂN LÀM CHỦ TẬP THỂ, NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ” VÀ CHẾ ĐỘ 1 THỦ TRƯỞNG TRONG QUẢN LÝ KINH TẾ Ở XÍ NGHIỆP.

1. Thực hiện điều lệ Đảng Cộng Sản Việt Nam (điều 35 – 36); chỉ thị số 49/CTTU về việc nâng cao sức chiến đấu, chất lượng lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng ở đơn vị kinh tế quốc doanh; quyết định số 48/QĐTU về quy chế làm việc của các Đảng ủy, Chi ủy ở các xí nghiệp và đơn vị cơ sở kinh tế thuộc khu vực Nhà

nước; nghị quyết 306 (dự thảo) của Bộ Chính trị về bảo đảm quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở.

2. Thực hiện các nghị định 182, nghị định 217 về 4 chế độ: chế độ trách nhiệm, chế độ kỷ luật, chế độ bảo vệ của công và chế độ phục vụ nhân dân; nghị định 93/CP về điều lệ (Xí nghiệp công nghiệp quốc doanh); nghị định 19 của Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh về cơ chế xí nghiệp.

#### IV. CÁC HÌNH THỨC QUẢN LÝ CỦA XÍ NGHIỆP:

1. Liên hiệp các xí nghiệp, Tổng Công ty... (sau đây gọi tắt là Liên hiệp) là tổ chức sản xuất, kinh doanh gồm các xí nghiệp có mối liên hệ mật thiết với nhau về kinh tế - kỹ thuật và là cơ quan quản lý sản xuất – kinh doanh cấp trên trực tiếp của đơn vị sản xuất kinh doanh cơ sở. Ngoài việc chấp hành và vận dụng đầy đủ cơ chế quản lý đã quy định cho các xí nghiệp, Liên hiệp còn thực hiện chức năng quản lý ngành kinh tế kỹ thuật được phân công.

Trong nội bộ, Liên hiệp sẽ quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của Tổng Giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của Liên hiệp đối với xí nghiệp trực thuộc trên nguyên tắc bảo đảm đầy đủ quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của đơn vị kinh tế cơ sở.

Trước mắt ở thành phố sẽ củng cố các liên hiệp xí nghiệp hiện có lập các liên hiệp mới, nghiên cứu cùng các ngành trung ương và các địa phương để hình thành liên hiệp khu vực.

Thí điểm việc tổ chức liên hiệp bao gồm các xí nghiệp do trung ương và địa phương quản lý nhằm thực hiện tốt hơn nguyên tắc quản lý theo ngành kết hợp với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ.

#### **2. Có 4 loại hình xí nghiệp :**

a) Xí nghiệp nằm trong Liên hiệp có tư cách pháp nhân đầy đủ có đủ mọi nghĩa vụ như Xí nghiệp trực thuộc Sở, nhưng để quản lý ngành kinh tế kỹ thuật loại xí nghiệp này trực thuộc liên hiệp xí nghiệp về mặt quản lý ngành và một số mặt về hành chính.

b) Xí nghiệp độc lập trực thuộc Sở, Quận, Huyện dù quy mô nhỏ hay lớn đều

có tư cách pháp nhân đầy đủ và phải có kế hoạch vươn lên thành xí nghiệp đầu đàn của ngành kinh tế kỹ thuật.

c) Loại hình xí nghiệp liên hiệp áp dụng theo quy định của Hội đồng Bộ trưởng, có tư cách pháp nhân đầy đủ. Tùy theo tính chất sản xuất, xí nghiệp liên hiệp có thể nằm trong liên hiệp xí nghiệp ngành kinh tế - kỹ thuật.

d) Các xí nghiệp hoặc Công ty liên doanh với nước ngoài (XHCN và TBCN) sẽ được thực hiện theo sự thỏa thuận giữa các bên hợp tác và theo quy định riêng của Ủy ban nhân dân thành phố.

### **3. Quản lý cấp Sở : ( trừ các Sở tổng hợp)**

- Sở là cơ quan quản lý Nhà nước (quản lý hành chính – kinh tế) một hoặc nhiều ngành kinh tế - kỹ thuật gồm 5 thành phần kinh tế thuộc lĩnh vực Sở phụ trách.

- Việc quản lý sản xuất kinh doanh giao toàn quyền cho cơ sở sản xuất (Liên hiệp – xí nghiệp liên hiệp, xí nghiệp).

- Chức năng quản lý Nhà nước của Sở gồm : quy hoạch, kế hoạch dài hạn (5 năm); phát triển khoa học kỹ thuật ngành; cải tạo, tổ chức lại sản xuất theo các ngành kinh tế - kỹ thuật ; nghiên cứu nhu cầu trong nước, nghiên cứu khả năng liên doanh nước ngoài, đề xuất đầu tư tập trung cho các cơ sở sản xuất mới; cùng Ủy ban Kế hoạch chỉ đạo các xí nghiệp xây dựng kế hoạch theo đúng các nghị quyết ; nghiên cứu chính sách chế độ phát triển ngành đào tạo, sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ ; kiểm tra đôn đốc thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước.

Bộ máy tổ chức của Sở tổ chức lại tinh gọn, có hiệu lực. Sở không can thiệp trực tiếp vào sản xuất kinh doanh của xí nghiệp. Xí nghiệp được làm việc trực tiếp với các Sở, cơ quan tổng hợp cấp thành phố : kế hoạch, tài chính, ngân hàng, vật giá, vật tư, khoa học kỹ thuật, lao động, tổ chức chính quyền... để giải quyết các yêu cầu của xí nghiệp trong phạm vi chỉ tiêu kế hoạch được giao, hoặc trong phạm vi quyền hạn được phân cấp cho xí nghiệp.

Tùy tình hình cụ thể của từng ngành, mà thực hiện từng bước việc chuyển sự hoạt động của các sở làm đúng chức năng quản lý Nhà nước phù hợp với yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý (sẽ có quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố và quy chế tổ chức và hoạt động riêng cho từng Sở).

## V- THÀNH LẬP VÀ GIẢI THỂ

- Việc thành lập mới, dựa theo luận chứng kinh tế kỹ thuật được xác định, Giám đốc Sở chủ quản, Ủy ban nhân dân quận, huyện đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định. Đối với các xí nghiệp lớn xây dựng bằng vốn vay của nước ngoài do Hội đồng kinh tế - kỹ thuật thành phố xem xét tư vấn, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

- Các xí nghiệp kinh doanh lỗ :

+ Cơ quan cấp trên của xí nghiệp phân tích nguyên nhân và giúp đỡ xí nghiệp phấn đấu không lỗ và dần dần có lãi. Nếu vì lý do cán bộ quản lý xí nghiệp không đủ trình độ, năng lực quản lý điều hành để làm ăn có lời thì thay đổi cán bộ quản lý.

+ Nếu sản phẩm của xí nghiệp sản xuất ra chất lượng kém, giá cao so với các xí nghiệp khác mà không có khả năng cải tiến, để lỗ kéo dài thì chuyển hướng sản xuất.

+ Nếu các biện pháp trên đều không giải quyết được, có thể sát nhập vào xí nghiệp khác cùng ngành nghề để sản xuất kinh doanh có lãi, hoặc cho đấu thầu trên cơ sở các phương án khôi phục xí nghiệp theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

+ Nếu vẫn tiếp tục làm ăn thua lỗ thì giải thể xí nghiệp, Sở chủ quản và các cơ quan tổng hợp liên quan giúp giải quyết hậu quả sau khi giải thể xí nghiệp.

## PHẦN THỨ HAI

### QUYỀN TỰ CHỦ CỦA XÍ NGHIỆP TRONG CÔNG TÁC KẾ HOẠCH

#### 1. Nội dung kế hoạch :

Mọi hoạt động của xí nghiệp được phản ánh trong một kế hoạch sản xuất kỹ thuật tài chính, xã hội thống nhất theo kế hoạch 5 năm và kế hoạch hàng năm, quý, tháng. Kế hoạch do xí nghiệp chủ động xây dựng theo nguyên tắc khai thác tối đa mọi tiềm năng mà xí nghiệp có, sử dụng tối đa công suất thiết bị, dựa theo nhu cầu của xã hội và phương hướng, mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước đã xác định, có thay đổi cho phù hợp với thực tế tình hình theo từng thời gian.

Kế hoạch của xí nghiệp là kế hoạch toàn diện bao gồm các nhiệm vụ sản xuất,

tiêu thụ sản phẩm, nguồn vật tư, biện pháp kỹ thuật, vận tải, lao động tiền lương, đầu tư xây dựng cơ bản, khoa học kỹ thuật, giá thành, tài chính, tín dụng, đời sống xã hội... được thể hiện bằng hệ thống các chỉ tiêu hiện vật và giá trị.

Các xí nghiệp chủ động xây dựng kế hoạch của xí nghiệp trình cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp xét duyệt.

Để giúp xí nghiệp chủ động được trong xây dựng kế hoạch, cơ quan quản lý trực tiếp cấp trên phải sớm thông báo số hướng dẫn kế hoạch, các khả năng giao bán vật tư, các khách hàng được chỉ định để xí nghiệp ký hợp đồng, các định mức, tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật, các chính sách khuyến khích Nhà nước và cung cấp các thông tin kinh tế - kỹ thuật trong và ngoài nước có liên quan đến sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp.

## **2. Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm :**

– Giám đốc xí nghiệp chủ động nắm vững nhu cầu xã hội, yêu cầu thị trường trong và ngoài nước đối với sản phẩm làm ra để có phương án kế hoạch tối ưu, khai thác tối đa công suất năng lực của xí nghiệp.

– Đối với những sản phẩm chủ yếu do Nhà nước trung ương và địa phương giao xí nghiệp phải bố trí sản xuất ưu tiên, làm đúng chất lượng, số lượng, thời gian giao hàng. Trừ một số danh mục mặt hàng đặc biệt do Nhà nước giao, còn lại các mặt hàng khác Nhà nước chỉ quy định sản phẩm chuẩn. Các xí nghiệp sản xuất cùng với các đơn vị được chỉ định tiêu thụ được quyền thỏa thuận chọn mặt hàng phù hợp nhu cầu thị hiếu theo từng thời gian để ký hợp đồng kinh tế. Những mặt hàng này được tính khi đánh giá hoàn thành kế hoạch về chỉ tiêu sản phẩm chủ yếu. Nhà nước trung ương và địa phương giao nhiệm vụ sản xuất phải kèm theo các mặt cân đối như : số lượng, chủng loại và nơi nhận vật tư, chỉ định các tổ chức tiêu thụ, xí nghiệp cùng các tổ chức tiêu thụ được chỉ định chủ động ký hợp đồng kinh tế, xác định quy cách, chủng loại, thời gian giao hàng. Trường hợp tổ chức tiêu thụ được chỉ định không ký hợp đồng hoặc ký không hết số lượng được giao thì xí nghiệp ký hợp đồng tiêu thụ với các tổ chức tiêu thụ khác thuộc thành phần kinh tế XHCN trong thành phố, khu vực, hoặc giao công với nước ngoài. Khuyến khích xí nghiệp chạy vật tư để sản xuất. Trong quá trình thực hiện kế hoạch, xí nghiệp có quyền ký thêm hợp đồng



sản xuất và gia công để sử dụng công suất thiết bị còn thừa.

Xí nghiệp được khuyến khích và được quyền chủ động tổ chức hoặc tham gia các hình thức liên kết, hợp tác sản xuất với các tổ chức kinh tế khác (cả trong nước và ngoài nước) để sử dụng tối đa công suất sẵn có, phải đưa vào kế hoạch từ đầu năm hoặc kế hoạch bổ sung và báo các cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp biết.

### **3. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản :**

– Giám đốc xí nghiệp được giao trách nhiệm quản lý sử dụng tài sản cố định do Nhà nước giao hay tự tạo, mua sắm hoặc đổi mới tài sản cố định để đáp ứng yêu cầu của sản xuất. Xí nghiệp tự quyết định kế hoạch hiện đại hóa công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm và hạ giá thành, mua sắm thiết bị trong và ngoài nước bằng vốn tự có, vốn vay hoặc vốn hợp doanh.

– Giao quyền cho Giám đốc xí nghiệp lựa chọn và chịu trách nhiệm thuê người nhận thi công công trình, áp dụng phương thức đấu thầu thay vì cơ quan cấp trên chỉ định các B thi công.

– Đầu tư mở rộng công suất, hiện đại hóa dây chuyền sản xuất đòi hỏi vốn lớn, xí nghiệp không tự lo nổi thì xí nghiệp làm luận chứng KTKT, được cơ quan có thẩm quyền xét duyệt và quyết định xí nghiệp tự vay hay Nhà nước đầu tư.

### **4. Kế hoạch khoa học kỹ thuật :**

Giám đốc xí nghiệp chủ động lập kế hoạch ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, cải tiến và đổi mới quy trình công nghệ, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm, sản xuất thử sản phẩm mới, tiết kiệm vật tư, năng lượng, sử dụng nguyên liệu trong nước thay thế nguyên liệu nhập khẩu, tận dụng phế liệu, nguyên liệu tái sinh.

Giám đốc xí nghiệp có kế hoạch nghiên cứu khoa học hàng năm và 5 năm. Giảm bớt việc giao đề tài và rót vốn cho đề tài từ trên xuống, chuyển sang phương thức hợp đồng nghiên cứu. Giám đốc căn cứ nhu cầu phát triển tự xác định kế hoạch và đề tài, ký hợp đồng thuê đơn vị và cá nhân nghiên cứu, kể cả quyền hợp đồng liên kết trong nghiên cứu sản xuất. Xí nghiệp được quyền mua bán các sáng chế, bí quyết, kỹ thuật sở hữu công nghiệp, tranh thủ các nhà khoa học kỹ thuật trong nước và ngoài nước để áp dụng vào sản xuất. Xí nghiệp chủ động bố trí vốn vật tư, thiết

bị, lao động... để thực hiện kế hoạch nghiên cứu đó. Xí nghiệp được quyền sử dụng phần lợi nhuận tăng thêm (hay số tiền tiết kiệm được) do kết quả ứng dụng tiến bộ kỹ thuật đem lại trong 2-3 năm đầu sung vào các quỹ của xí nghiệp hoặc dùng một phần để thưởng cho tập thể hoặc các nhân đã đóng góp theo hợp đồng nghiên cứu khoa học và ứng dụng kỹ thuật tiến bộ.

– Giám đốc xí nghiệp ( thông qua hội đồng tư vấn của xí nghiệp) được quyền thưởng không hạn chế mức trên cơ sở hiệu quả kinh tế do ứng dụng tiến bộ kỹ thuật đem lại cho xí nghiệp và cấp bằng khen kể cả bằng sáng kiến cho những người đạt kết quả đó.

Giám đốc xí nghiệp có quyền sử dụng các chuyên gia trong nước và Việt kiều làm cố vấn kỹ thuật, quản lý cho mình theo từng thời gian và hợp đồng cụ thể. Xí nghiệp có quyền đề nghị thuê chuyên gia nước ngoài và trả lương theo quy chế chung của thành phố và trung ương.

### **5. Kế hoạch đời sống và xã hội :**

Giám đốc xí nghiệp chủ động xây dựng kế hoạch đời sống và xã hội của công nhân viên chức, đề ra các biện pháp cải thiện về ăn, ở, đi lại, học hành, nâng cao tay nghề, bảo vệ sức khỏe và mở rộng các phúc lợi công cộng cho CBCNV. Đặc biệt chú trọng mở rộng sản xuất phụ và kinh tế gia đình, thu hút số lao động dôi thừa, nhàn rỗi của gia đình CBCNV tham gia sản xuất để tăng thu nhập. Bằng vốn tự có của mình xí nghiệp có thể sản xuất các công cụ bán cho CNVC để gia công cho xí nghiệp. Sử dụng có hiệu quả quỹ phúc lợi để cải thiện nhà ở cho CBCNV, nhà ăn, nhà trẻ, mẫu giáo và công trình phúc lợi khác của xí nghiệp.

Tất cả các cơ sở sản xuất kinh doanh đóng trên địa bàn thành phố đều phải chấp hành nghiêm chỉnh quy định bảo vệ môi sinh môi trường.

Xí nghiệp phải báo cáo kế hoạch sản xuất đời sống và xã hội (trong đó có kế hoạch bảo vệ môi sinh môi trường) cho UBND địa phương (huyện quận) sở tại để địa phương tham gia ý kiến, tổng hợp cân đối trên lãnh thổ.

### **6. Bảo vệ và nhận kế hoạch :**

a) Xí nghiệp gửi dự án kế hoạch toàn diện lên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và gửi kế hoạch đó cho cơ quan có liên quan (kế hoạch, tài chính, ngân hàng,

vật tư, vật giá, lao động, thống kê...) trước khi bảo vệ kế hoạch ít nhất 10 ngày. Nếu là xí nghiệp điểm cấp thành phố thì dự án kế hoạch phải gửi cho Sở chủ quản, Ủy ban Kế hoạch thành phố và gửi cho các cơ quan có liên quan. Đối với kế hoạch nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật đồng gửi cho Ủy ban khoa học kỹ thuật thành phố để tổng hợp, theo dõi, quản lý.

b) Các xí nghiệp điểm bảo vệ kế hoạch trước Ủy ban Kế hoạch thành phố và Sở chủ quản để trình lên Chủ tịch UBND thành phố ( hoặc UBND quận, huyện nếu xí nghiệp đó thuộc quyền quản lý của quận, huyện) giao kế hoạch trực tiếp cho các xí nghiệp này. Việc điều hành sản xuất chủ yếu là do quyền của Giám đốc xí nghiệp. Các cơ quan có liên quan như Sở chủ quản, kế hoạch, tài chính, giá, ngân hàng, vật tư, lao động, khoa học kỹ thuật... phải thường xuyên hỗ trợ xí nghiệp.

c) Xí nghiệp bảo vệ kế hoạch trực tiếp trước cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp nào thì cơ quan đó phải có kế luận rõ ràng về những kiến nghị của xí nghiệp và thông báo những vật tư, năng lượng, vận tải, dịch vụ cân đối cho xí nghiệp, đồng thời thông báo cho cấp có thẩm quyền để giao chỉ tiêu pháp lệnh cho các tổ chức cung ứng vật tư, vận tải, dịch vụ được chỉ định. Trên cơ sở đó xí nghiệp cùng các tổ chức này tiến hành ký kết các hợp đồng kinh tế chính thức.

d) Ủy ban Kế hoạch thành phố và Sở chủ quản có trách nhiệm xét duyệt kế hoạch và tổng hợp yêu cầu để quản lý chung, được quyền bác bỏ dự án sản xuất của xí nghiệp nếu xét thấy sản phẩm sẽ không tiêu thụ được, hoặc sản xuất không có hiệu quả kinh tế.

e) Thực hiện việc giao kế hoạch chính thức cho tất cả xí nghiệp chậm nhất trong thời gian từ 20-25 tháng 11 năm trước để các xí nghiệp kịp thời chuẩn bị và triển khai sản xuất ngay từ đầu năm kế hoạch.

Đối với những xí nghiệp sản xuất theo thời vụ, Ủy ban kế hoạch thành phố, Sở chủ quản quy định thời hạn giao kế hoạch cho phù hợp.

## **7. Chỉ tiêu pháp lệnh :**

Giao chỉ tiêu pháp lệnh thích hợp theo loại xí nghiệp :

a) Đối với xí nghiệp do Nhà nước bảo đảm cân đối các điều kiện, vật chất chủ yếu và chỉ định nơi tiêu thụ sản phẩm, thì giao 3 chỉ tiêu pháp lệnh :

– Giá trị sản lượng hàng hóa thực hiện (trong đó ghi số kim ngạch xuất khẩu nếu có).

– Số lượng sản phẩm chủ yếu với quy cách và chất lượng quy định, tiêu thụ theo kế hoạch và hợp đồng (trong đó ghi rõ phần cho quốc phòng và cho xuất khẩu nếu có).

– Các khoản nộp ngân sách (gồm lợi nhuận và các khoản thu khác).

b) Đối với xí nghiệp, Nhà nước cân đối một phần vật tư, xí nghiệp tự cân đối một phần thì giao hai chỉ tiêu pháp lệnh :

– Giá trị sản lượng hàng hóa thực hiện (trong đó ghi rõ kim ngạch xuất khẩu nếu có).

– Các khoản nộp ngân sách (gồm lợi nhuận và các khoản thu khác).

c) Đối với các xí nghiệp sản xuất, xí nghiệp dịch vụ, sửa chữa, do xí nghiệp tự cân đối vật tư thì giao một chỉ tiêu pháp lệnh :

– Các khoản nộp ngân sách (gồm lợi nhuận và các khoản thu khác).

d) Đối với các Xí nghiệp xây lắp, giao 3 chỉ tiêu pháp lệnh :

– Giá trị sản lượng xây lắp thực hiện đã được nghiệm thu.

– Danh mục công trình, hạng mục công trình hoàn thành bàn giao.

– Các khoản nộp ngân sách (gồm lợi nhuận và các khoản thu khác).

đ) Đối với Xí nghiệp vận tải, giao 2 chỉ tiêu pháp lệnh :

– Khối lượng vận chuyển và luân chuyển hàng hóa, hành khách.

– Các khoản nộp ngân sách (lợi nhuận và các khoản thu khác).

e) Đối với các tổ chức kinh doanh khác : thương nghiệp, vật tư, ngân hàng kinh doanh, theo như quyết định 76/HĐBT.

g) Ngoài các chỉ tiêu pháp lệnh, cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp giao cho xí nghiệp một số chỉ tiêu hướng dẫn phù hợp tình hình xí nghiệp và yêu cầu của nền kinh tế. Không dùng các chỉ tiêu hướng dẫn làm căn cứ để xét duyệt hoàn thành kế hoạch.

## **2. Điều hành thực hiện và giao kế hoạch :**

a) Kế hoạch của xí nghiệp phải được tập thể CBCNV tham gia xây dựng, Giám đốc quyết định, Công đoàn ở xí nghiệp phối hợp với Giám đốc tổ chức để

CBCNVC tham gia xây dựng và bàn biện pháp thực hiện kế hoạch. Đại diện công đoàn cơ sở có quyền tham dự việc bảo vệ kế hoạch và xét duyệt hoàn thành kế hoạch.

b) Trong quá trình thực hiện kế hoạch xí nghiệp có quyền bổ sung kế hoạch để khai thác công suất thiết bị. Nếu vì lý do khách quan (không cân đối được các điều kiện vật chất, thiên tai, sự cố lớn...) mà không có khả năng hoàn thành nhiệm vụ được giao thì xí nghiệp đề nghị trên trực tiếp xem xét và điều chỉnh kế hoạch. Cấp trên giao kế hoạch mà không cân đối tốt đó là khuyết điểm của cấp giao kế hoạch. Ngược lại xí nghiệp nhận kế hoạch mà không làm đúng phải chịu trách nhiệm đối với nhà nước.

c) Cơ quan nào giao kế hoạch cho xí nghiệp thì cơ quan đó xét duyệt kết quả hoàn thành kế hoạch của xí nghiệp. Kết thúc năm kế hoạch Giám đốc xí nghiệp có trách nhiệm gửi báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch của xí nghiệp lên cơ quan quản lý trực tiếp cấp trên, đồng gửi các cơ quan có liên quan (kế hoạch, thống kê, tài chính, ngân sách...) để xét duyệt và công nhận kết quả của thực hiện kế hoạch năm. Giám đốc xí nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của báo cáo.

## **PHẦN THỨ BA**

### **CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA TỔ CHỨC**

#### **KINH DOANH VẬT TƯ VÀ QUYỀN TỰ CHỦ CỦA XÍ NGHIỆP**

#### **TRONG LÃNH VỰC VẬT TƯ**

#### **I. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC TỔ CHỨC KINH DOANH VẬT TƯ**

1. Các tổ chức cung ứng vật tư kể từ nay chuyển sang hoạt động theo phương thức hạch toán kinh tế kinh doanh xã hội chủ nghĩa, thực hiện việc mua và bán vật tư cho các đơn vị tiêu dùng vật tư theo kế hoạch sản xuất của xí nghiệp đã được duyệt thuộc các thành phần kinh tế, sản xuất theo phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch của thành phố.

2. Mọi hoạt động kinh doanh mua bán vật tư đều thông qua hợp đồng kinh tế,

nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với các chính sách, quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Nguồn vật tư kinh doanh gồm có :

- Vật tư do Trung ương giao theo kế hoạch.
- Vật tư do thành phố tự nhập.
- Vật tư thu mua qua con đường nhập khẩu phi mậu dịch.
- Vật tư sản xuất trong nước.
- Các nguồn phế liệu, phế thải, vật tư trôi nổi, còn ứ đọng, chậm luân chuyển.
- Vật tư, phụ tùng do một tổ chức kinh tế của thành phố đứng ra làm đại lý bán cho các công ty của nước ngoài.

4. Các tổ chức kinh doanh vật tư thực hiện việc ưu tiên mua và bán vật tư đối với các xí nghiệp sản xuất theo kế hoạch Nhà nước và kế hoạch do Ủy ban nhân dân thành phố giao. Các tổ chức kinh doanh vật tư tự tổ chức sơ chế, chế biến, bảo quản tốt vật tư, phù hợp với yêu cầu sản xuất, nâng cao giá trị sử dụng các phế liệu, phế thải.

5. Tất cả các tổ chức cung ứng vật tư từ nay chuyển sang phương thức mua bán vật tư theo kế hoạch sản xuất của xí nghiệp đã được duyệt. Nếu chủng loại vật tư nào có thừa sau khi cân đối với kế hoạch pháp lệnh sản xuất, có quyền bán cho các đơn vị sản xuất khác có yêu cầu cho kế hoạch sản xuất của đơn vị, ưu tiên cho thành phần kinh tế XHCN và các đơn vị sản xuất đóng trên địa bàn thành phố.

6. Các Công ty vật tư được ghép chung trong khối phân phối lưu thông ở cấp thành phố cũng như cấp quận, huyện.

7. Đối với vật tư do Trung ương cấp và thành phố nhập, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để xí nghiệp được nhận trực tiếp không qua khâu trung gian.

## II. QUYỀN MUA BÁN VẬT TƯ CỦA ĐƠN VỊ KINH TẾ CƠ SỞ QUỐC DOANH

1. Liên hiệp xí nghiệp, xí nghiệp sản xuất các sản phẩm hàng loạt cần có định mức tiêu hao vật tư do Giám đốc xí nghiệp duyệt và cấp trên chuẩn y, làm cơ sở để

mua vật tư của Trung ương hoặc của Thành phố. Do khoa học và kỹ thuật phát triển, tiến bộ kỹ thuật ngày càng cao, thiết kế chế tạo, công nghệ sản xuất đổi mới không ngừng, nên các định mức kinh tế - kỹ thuật, trong đó có định mức tiêu hao vật tư, phải luôn luôn được đổi mới cho phù hợp. Giám đốc xí nghiệp cần tổ chức tận dụng tốt nhất vật tư, nguyên liệu, kể cả phế liệu, phế thải, phế phẩm của xí nghiệp. Giám đốc các sở cần nghiên cứu đề xuất chính sách khuyến khích xí nghiệp mở rộng sản xuất phụ đề sử dụng phế liệu phế thải phế phẩm, các đầu thừa vật tư của xí nghiệp để sản xuất thêm sản phẩm cho xã hội, giải quyết biên chế dôi thừa.

2. Liên hiệp xí nghiệp, xí nghiệp được quyền nhận thẳng vật tư từ nơi cung ứng không qua cấp trung gian.

3. Khối lượng vật tư được Nhà nước giao bán để xí nghiệp sản xuất, xí nghiệp phải bán lại sản phẩm cho Nhà nước theo hợp đồng kinh tế.

4. Vật tư do thành phố nhập, sản phẩm làm ra phải bán lại cho các đơn vị mà thành phố chỉ định tiêu thụ theo hợp đồng kinh tế.

Vật tư do xí nghiệp tự nhập khẩu hoạt liên doanh với Việt kiều, xí nghiệp được bán cho các cơ quan thương nghiệp quốc doanh, hợp tác xã. Xí nghiệp được vay ngoại tệ để nhập vật tư cho sản xuất và chịu trách nhiệm trả nợ.

5. Vật tư do xí nghiệp tự khai thác, thu mua trên thị trường... xí nghiệp bán theo hợp đồng kinh tế.

6. Vật tư do xí nghiệp liên doanh với nước ngoài, việc buôn bán sản phẩm do Ủy ban nhân dân thành phố quy định, và phải theo hợp đồng kinh tế.

7. Vật tư dư thừa, xí nghiệp có quyền tổ chức sản xuất tận dụng để tạo công ăn việc làm, tặng 3 quỹ xí nghiệp.

Vật tư do Nhà nước cân đối, xí nghiệp có dư thừa và không dùng, thì xí nghiệp được nhượng bán cho xí nghiệp quốc doanh hoặc hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp có yêu cầu theo giá quy định Nhà nước cộng chi phí chuyên chở, bảo quản do 2 bên thỏa thuận, sau khi được cơ quan chủ quản cấp trên chấp thuận và phải báo cho đơn vị cung ứng vật tư biết.

8. Xí nghiệp được dùng sản phẩm ngoài kế hoạch pháp lệnh để trao đổi lấy lại vật

tư nguyên liệu phục vụ cho sản xuất của xí nghiệp.

9. Khuyến khích liên hiệp xí nghiệp, xí nghiệp tự tạo cơ sở để sản xuất vật tư (bằng các hướng : miễn giảm thu quốc doanh, miễn giảm trích nộp lãi cho ngân sách. Cấp có thẩm quyền xem xét quyết định từng trường hợp cụ thể).

## PHẦN THỨ TƯ

### QUYỀN TỰ CHỦ CỦA XÍ NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG VÀ ĐỜI SỐNG

1. Căn cứ vào nhiệm vụ kế hoạch sản xuất – kinh doanh, các định mức kinh tế - kỹ thuật... Giám đốc xí nghiệp được trọn quyền quyết định biên chế của bộ máy quản lý xí nghiệp ; chủ động quyết định việc tuyển dụng, bố trí, đào tạo lao động tạo một đội ngũ công nhân lành nghề, lâu đời cha truyền con nối theo yêu cầu phát triển cho sản xuất, kinh doanh và bảo đảm đủ lương để chi trả cho cán bộ công nhân viên chức xí nghiệp.

2. Xí nghiệp có quyền hợp đồng lao động mà không thực hiện theo phương thức tuyển dụng làm nặng biên chế nếu xét thấy không cần thiết và không có hiệu quả. Xí nghiệp có quyền tuyển chọn cán bộ công nhân viên chức và nhân dân lao động trong thành phố vào làm trong xí nghiệp không hạ chén địa bàn quận, huyện. Trường hợp xí nghiệp tuyển người không có hộ khẩu thường trú ở thành phố Hồ Chí Minh, phải theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Xí nghiệp có quyền quyết định các hình thức và phương pháp tổ chức sản xuất, tổ chức lao động khoa học ; lựa chọn các hình thức hợp tác sản xuất với các xí nghiệp khác.

4. Xí nghiệp có quyền mời các chuyên gia kỹ thuật, quản lý kinh tế, các nhà khoa học, các cơ quan nghiên cứu khoa học... nếu thấy cần thiết cho hoạt động sản xuất – kinh doanh và có quyền kích thích vật chất, tinh thần thỏa đáng theo hiệu quả chuyên gia đóng góp bằng kinh phí của xí nghiệp. Mời chuyên gia và tổ chức nước ngoài làm theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.



5. Xí nghiệp được quyền cử cán bộ, công nhân ra nước ngoài để tham quan, học tập kinh nghiệm quản lý và kỹ thuật sản xuất bằng kinh phí của xí nghiệp, theo các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

6. Giám đốc xí nghiệp (thông qua Hội đồng khen thưởng, kỷ luật) có quyền khen thưởng, kỷ luật (kể cả cho thôi việc) đối với cán bộ công nhân viên chức thuộc quyền quản lý của xí nghiệp và phải chịu trách nhiệm về các quyết định đó.

Giám đốc có trách nhiệm chăm lo kỹ thuật an toàn bảo hộ lao động, cải thiện môi sinh và điều kiện làm việc của người lao động.

7. Về tiền lương, Giám đốc xí nghiệp có quyền lựa chọn các hình thức trả lương hợp lý, coi trọng lương khoán, lương sản phẩm tập thể, vận dụng các hình thức tiền thưởng thích hợp Căn cứ vào Nghị quyết Trung ương 8 (khóa 5) quy định mức lương tối thiểu bình quân cho 1 lao động giản đơn phải đảm bảo 2000 calo/ngày và nuôi được 1 người ăn theo. Xí nghiệp phải đảm bảo mức đãi ngộ tối thiểu cho người lao động, không hạn chế mức tối đa đó là lao động chính đáng và hợp lý. Giám đốc xí nghiệp tự chịu trách nhiệm về tính chính đáng và tính hợp lý đầy đủ các mặt hàng tiêu chuẩn định lượng của lương theo thời giá (do Ủy ban nhân dân thành phố quy định) để tính đủ mức chi phí tiền lương trên 1 đơn vị sản phẩm làm cơ sở cho việc trả lương sản phẩm, và việc xây dựng quỹ lương kế hoạch đăng ký với ngân hàng để rút tiền chi trả lương đúng hạn cho cán bộ công nhân viên chức.

Mọi chi phí tiền lương (kể cả bù giá các mặt hàng tiêu chuẩn định lượng vào lương) được hạch toán đầy đủ vào giá thành sản phẩm.

8. Quỹ tiền lương thực hiện của xí nghiệp phải gắn liền với hiệu quả của sản xuất – kinh doanh, với mức độ hoàn thành kế hoạch tiền lương của người lao động gắn liền với số lượng và chất lượng lao động đã đóng góp. Xây dựng và thí điểm chế độ phụ cấp thâm niên với một số ngành nghề và chế độ phụ cấp trách nhiệm chức vụ từ tổ trưởng sản xuất đến Giám đốc xí nghiệp, Tổng Giám đốc LHXN (kể cả cán bộ chuyên trách công tác Đảng, công đoàn, thanh niên trong xí nghiệp. Sau khi thôi giữ chức vụ trở về lãnh lương theo ngạch bậc lương chuyên môn nghiệp vụ (Sở Lao động phối hợp với các ngành nghiên cứu và hướng dẫn sớm).

9. Không khống chế quỹ lương của xí nghiệp theo số lượng lao động và mức

lương cấp bậc bình quân mà sẽ không chế và duyệt mức chi phí tiền lương trên đơn vị sản phẩm (hoặc đơn vị tiền lương trên đơn vị giá trị sản lượng hàng thực hiện).

Mức chi phí tiền lương cho đơn vị sản phẩm được xác định một cách đầy đủ gồm toàn bộ hao phí lao động gắn liền với việc sản xuất ra sản phẩm (tính theo thời giá do Ủy ban nhân dân thành phố quy định).

10. Giám đốc xí nghiệp có nhiệm vụ và có quyền hạn về tổ chức sản xuất, và quản lý theo hướng tinh giản bộ máy, tổ chức thường xuyên việc nâng cao trình độ cho cán bộ công nhân viên, bổ nhiệm và phân cấp bổ nhiệm cán bộ quản lý trong xí nghiệp. Tổng Giám đốc LHXN, các XN hạng 1 được quyền duyệt lương công nhân từ bậc 1 đến bậc 7 theo tiêu chuẩn Nhà nước ban hành thông qua các kỳ thi nâng cấp và hội đồng cố vấn lương. Đối với cán bộ kỹ thuật và quản lý việc nâng bậc lương theo quy định Nhà nước, trường hợp đặc biệt, người cán bộ có nhiều cống hiến về kỹ thuật và quản lý thì hội đồng tư vấn đề xuất Giám đốc quyết định.

Việc bổ nhiệm theo phân cấp quản lý cán bộ hiện hành. Giám đốc các xí nghiệp từ hạng 3 trở xuống trực thuộc Liên hiệp do Tổng Giám đốc LHXN bổ nhiệm có tham khảo bỏ phiếu tín nhiệm ở cơ sở. Với các Phó Giám đốc và kế toán trưởng cấp nào qua bỏ phiếu tín nhiệm, cấp trên 1 cấp bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc Liên hiệp. Với các tổ trưởng, quản đốc hàng năm tham khảo sự tín nhiệm của hội nghị công nhân viên chức và do Giám đốc bổ nhiệm.

## PHẦN THỨ NĂM QUYỀN TỰ CHỦ CỦA XÍ NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC TÀI CHÍNH

### I. VỀ VỐN VÀ SỬ DỤNG VỐN CỦA XÍ NGHIỆP

Vốn của xí nghiệp bao gồm vốn cố định và vốn lưu động, được hình thành từ nguồn Nhà nước cấp phát và nguồn do xí nghiệp tự tạo trong quá trình phát triển sản xuất – kinh doanh.

1. Khuyến khích các xí nghiệp tăng nhanh vốn và sử dụng vốn có hiệu quả. Ngoài phần vốn Nhà nước cấp ban đầu, các xí nghiệp có trách nhiệm và được quyền tự tạo, mở rộng vốn tự có để phát triển sản xuất – kinh doanh, kể cả vốn vay của

nước ngoài.

2. Vốn cố định của xí nghiệp gồm có :

- Giá trị toàn bộ tài sản cố định hiện có tại xí nghiệp.
- Tiền trích khấu hao cơ bản để lại cho xí nghiệp.
- Một phần quỹ khuyến khích phát triển sản xuất của xí nghiệp.

Xí nghiệp được quyền sử dụng một cách có hiệu quả vốn cố định để đầu tư bổ sung, đổi mới tài sản cố định, nâng cao năng lực sản xuất của xí nghiệp. Nếu vốn tự có của xí nghiệp không đủ, xí nghiệp được quyền vay ngân hàng, cán bộ công nhân viên chức, dân cư và được sự hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn vay vốn nước ngoài để bổ sung.

3. Toàn bộ tài sản cố định hiện có của xí nghiệp đều phải khấu hao theo quy định của thành phố (bao gồm khấu hao cơ bản và khấu hao sửa chữa lớn). Tỷ lệ khấu hao cơ bản phải phản ánh đúng mức độ hao mòn thực tế của tài sản cố định trong điều kiện sản xuất bình thường ; tỷ lệ khấu hao sửa chữa lớn phải phản ánh đúng chi phí thực tế hợp lý về sửa chữa lớn tài sản cố định.

Đối với tài sản cố định do Ngân sách đầu tư, thì tùy tình trạng cụ thể của từng tài sản cố định mà để lại một phần hay toàn bộ khấu hao cơ bản cho xí nghiệp ; khi chưa dùng đến, xí nghiệp gửi lại ngân hàng (Sở Tài chính sẽ có hướng dẫn cụ thể). Toàn bộ tiền khấu hao cơ bản các tài sản cố định được đầu tư bằng vốn tự có của xí nghiệp hoặc bằng vốn mà xí nghiệp vay ngân hàng được để lại cho xí nghiệp.

4. Khi cần thiết, Sở chủ quản, hoặc cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp có thể điều động tài sản cố định của xí nghiệp do Ngân sách cấp phát đi nơi khác. Tài sản cố định không sử dụng xí nghiệp có quyền bán ; nếu giữ lại, xí nghiệp phải tính khấu hao theo quy định.

5. Nguồn vốn lưu động của xí nghiệp bao gồm :

- Vốn ngân sách cấp phát ban đầu khi xí nghiệp mới đi vào hoạt động.
- Vốn xí nghiệp tự bổ sung hàng năm bằng quỹ khuyến khích phát triển sản xuất.
- Vốn vay ở ngân hàng, vay cán bộ công nhân viên, dân cư và vốn vay của nước ngoài theo quy định chung.

- Các khoản nợ định mức và các nguồn vốn khác (nếu có).
- Vốn do tiết kiệm các định mức kinh tế kỹ thuật.

6. Xí nghiệp tự lo liệu vốn để trang trải vật tư ứ đọng mới phát sinh.

Xí nghiệp có quyền chuyển nhượng số vật tư đó cho các đơn vị trong ngành theo giá mua, có tính đến tình trạng vật tư và chi phí bảo quản. Khoản chênh lệch giá tăng (hoặc giảm) về vật tư hàng hóa tồn kho tài sản lưu động phát sinh do giá cả thay đổi, được hạch toán vào vốn lưu động xí nghiệp.

7. Toàn bộ nguồn vốn cố định và vốn lưu động là tài sản của Nhà nước giao cho xí nghiệp sử dụng ; xí nghiệp có trách nhiệm và có quyền sử dụng một cách có hiệu quả, Sở tài chính nghiên cứu hướng dẫn áp dụng thuế trên vốn. Tài sản thừa xí nghiệp phải có kế hoạch sử dụng. Nếu không sử dụng phải báo cáo lên cấp trên để điều hòa nhằm sử dụng hợp lý. Sau một tháng từ khi báo cáo cấp trên không có quyết định, Giám đốc xí nghiệp có quyền bán, ưu tiên cho xí nghiệp quốc doanh khác, hợp tác xã trong phạm vi thành phố.

8. Xí nghiệp tiến hành hạch toán kinh tế theo nguyên tắc tự hoàn vốn và tính đủ các chi phí, tính đúng giá thành, thể hiện giá thành một cách khoa học ; giá thành sản phẩm được tính đủ mức hao phí về tư liệu sản xuất, sức lao động và các khoản chi phí khác cần cho sự hoạt động đều đặn của xí nghiệp theo giá trị thực tế hợp lý.

Việc hạch toán giá thành của xí nghiệp phải được phản ánh đầy đủ, trung thực và thống nhất vào *một hệ thống sổ sách*, chứng từ, phản ánh trung thực lời, lỗ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của xí nghiệp.

9. Vật tư do Nhà nước giao bán được hạch toán vào giá thành sản phẩm theo giá chỉ đạo của Nhà nước cộng thêm chi phí mua, vận chuyển hao hụt thực tế.

Vật tư do xí nghiệp tự kiếm (kể cả qua xuất nhập khẩu) được hạch toán vào giá thành sản phẩm theo giá thực mua, miễn sao định giá bán thì có người mua, xí nghiệp làm được nghĩa vụ nộp tích lũy ngân sách mà xí nghiệp vẫn có lãi.

10. Các khoản chi phí trước đây quy định đề ngoài giá thành nay xí nghiệp được hạch toán vào giá thành theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ chi phí thực tế hợp lý phát sinh. Nếu chi phí thực tế của xí nghiệp đội giá bản lẻ thì xí nghiệp phải tính toán lại, nếu không giải quyết được thì chuyển hướng sản xuất. Các khoản dư trước

đây để ngoài giá thành nay được hạch toán vào giá thành gồm có :

- Chi cho các lớp bồi dưỡng tay nghề tập trung của xí nghiệp, chi phí bệnh xá, trạm xá của xí nghiệp.
- Chi phí phục vụ nhà ăn tập thể, nhà ăn bồi dưỡng ca ba và bồi dưỡng độc hại, nhà nghỉ.
- Các chi phí về luyện tập quân sự, tiền lương cho công nhân viên chức nghỉ sản xuất để luyện tập quân sự.

### III. VỀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ CÁC KHOẢN NỘP NGÂN SÁCH

11. Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận, các khoản xí nghiệp phải nộp vào ngân sách phải được kế hoạch hóa và quyết toán thống nhất theo quy định chung.

Trong khi chờ đợi tổ chức làm thí điểm phương án thay thu quốc doanh bằng các chính sách thuế, các xí nghiệp vẫn tiếp tục thi hành chế độ thu quốc doanh hiện hành.

12. Tổng số lợi nhuận thực hiện của xí nghiệp được xác định như sau :

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận} \\ \text{thực hiện của} \\ \text{xí nghiệp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng doanh} \\ \text{thu thực hiện} \\ \text{(tính theo} \\ \text{giá BBCN)} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá thành} \\ \text{thực hiện} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Thuế} \\ \text{phải nộp} \end{array}$$

Tổng số lợi nhuận thực hiện của xí nghiệp trong năm được phân phối có phân biệt tính chất ngành nghề, loại sản phẩm, loại xí nghiệp... như sau :

- Một phần xí nghiệp làm nghĩa vụ nộp ngân sách.
- Phần còn lại dành cho xí nghiệp để hình thành 3 quỹ cho xí nghiệp.

Cụ thể mức phân phối chung cho các loại xí nghiệp là :

a) Nếu là lợi nhuận trong kế hoạch :

- Từ 50 – 60% dành lại cho xí nghiệp.
- Từ 40 – 50% nộp ngân sách.

b) Lợi nhuận vượt kế hoạch.

- Từ 60 – 80% dành lại cho xí nghiệp.
- Từ 20 – 40% nộp ngân sách.

Đối với xí nghiệp sản xuất ra nguyên liệu, máy móc, phụ tùng, hàng xuất khẩu

trực tiếp... lợi nhuận được để lại cao hơn mức phân phối chung từ 10 – 20% để ưu tiên cho quỹ phát triển sản xuất nhằm đẩy nhanh đầu tư chiều sâu, hiện đại hóa sản xuất (Danh sách số xí nghiệp này do Ủy ban nhân dân cấp thành hoặc quận, huyện quyết định).

c) Đối với xí nghiệp sản xuất phụ bằng phế liệu, phế phẩm (không phân biệt trong kế hoạch hay vượt kế hoạch) lợi nhuận sẽ chia ra :

– Nếu xí nghiệp hoàn thành kế hoạch lợi nhuận của sản xuất chính, thì 80% dành cho xí nghiệp, 20% dành nộp ngân sách.

– Nếu xí nghiệp không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận của sản xuất chính, thì 50% để lại cho xí nghiệp, 50% nộp ngân sách.

13. Phân lợi nhuận để lại cho xí nghiệp sau khi thanh toán các khoản nộp phạt (nếu có), trích lập quỹ tập trung theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố (đối với các xí nghiệp nằm trong các Liên hiệp các xí nghiệp, Tổng Công ty, Công ty...) số còn lại được phân phối vào 3 quỹ của xí nghiệp : quỹ phát triển sản xuất trong đó có phần dành cho nghiên cứu ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng.

Giám đốc chủ trì cùng tập thể lao động xí nghiệp mà đại diện là Ban chấp hành Công đoàn, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, được toàn quyền quyết định việc phân phối và sử dụng 3 quỹ nhằm phát triển, mở rộng sản xuất, tăng thêm phúc lợi công cộng và khen thưởng cán bộ công nhân viên chức, Cấp trên không quy định tỷ lệ hình thành 3 quỹ của xí nghiệp.

14. Trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc phân phối theo lao động bảo đảm kết hợp hài hòa lợi ích của Nhà nước, lợi ích của tập thể xí nghiệp và lợi ích của cá nhân người lao động ; không khống chế mức tối đa của quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng.

15. Giám đốc xí nghiệp có quyền quyết định quỹ phát triển sản xuất cho nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật.

Sở Tài chính cùng các sở, ban ngành có liên quan quy định cho phù hợp với từng ngành, từng loại xí nghiệp.

## PHẦN THỨ SÁU

## **QUYỀN TỰ CHỦ CỦA XÍ NGHIỆP TRONG QUAN HỆ VỚI NGÂN HÀNG**

1. Ngân hàng có nhiệm vụ huy động và tập trung mọi nguồn vốn bằng tiền tạm thời chưa dùng đến của các đơn vị sản xuất – kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế (quốc doanh, tập thể, cá thể), tiền chưa dùng đến của dân cư và của các cơ quan hành chính sự nghiệp để kinh doanh phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội.

- Tiền Ngân hàng huy động được dùng để cho vay phát triển kinh tế xã hội, Ngân hàng phải trả lãi trong việc huy động này và được nhận lãi khi cho vay.

- Ngân hàng thực hiện các dịch vụ nghiệp vụ ngân hàng cho các cơ sở kinh tế và cá nhân (chuyển tiền, ngân quỹ, cho thuê tủ sắt, thực hiện nhờ thu, trả hộ, bảo lãnh...) thì Ngân hàng được thu lệ phí.

2. Xí nghiệp được chọn ngân hàng giao dịch, có quyền mở các loại tài khoản, kể cả tài khoản ngoại tệ (nếu xí nghiệp có vốn ngoại tệ ngân hàng) và có trách nhiệm gửi các loại vốn bằng tiền chưa dùng đến vào ngân hàng ; được quyền chuyển đổi ngân hàng giao dịch nếu xét thấy thuận lợi cho sản xuất – kinh doanh.

3. Mọi nguồn vốn của xí nghiệp và tiền cá nhân gửi vào ngân hàng được trả lãi theo quy định và được rút chi trả theo yêu cầu của xí nghiệp và cá nhân về số lượng và thời gian mà Ngân hàng không được đòi hỏi phải thuyết minh.

4. Ngân hàng có quyền từ chối, hạn chế hoặc đình cho vay đối với các xí nghiệp kinh doanh thua lỗ (trừ các xí nghiệp có lỗ theo hoạch), các xí nghiệp thường xuyên trả nợ ngân hàng không đúng hạn... Ngân hàng chịu trách nhiệm về các quyết định của mình. Trường hợp đặc biệt phải có quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố.

5. Việc cho vay tín dụng đầu tư xây dựng cơ bản theo kế hoạch của Nhà nước và của thành phố được tiến hành theo quy định chung. Đối với công trình, đề tài ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, xí nghiệp được vay tín dụng theo chế độ ưu đãi, lãi suất thấp hơn lãi suất kinh doanh.

6. Xí nghiệp phải chấp hành đúng điều lệ quản lý ngoại hối của Nhà nước : Vốn

ngoại tệ phải gửi hết vào ngân hàng Ngoại thương, sử dụng ngoại tệ phải đúng theo quy định của Nhà nước. Ngoại tệ xí nghiệp gửi vào ngân hàng được ngân hàng trả lãi bằng ngoại tệ : xí nghiệp vay ngoại tệ của Ngân hàng phải trả lãi cho Ngân hàng ngoại tệ.

**PHẦN THỨ BẢY**  
**QUYỀN TỰ CHỦ CỦA CÁC XÍ NGHIỆP**  
**TRONG LĨNH VỰC GIÁ CẢ**

Nguyên tắc chung để quy định quyền tự chủ của các xí nghiệp trong lĩnh vực giá cả và đảm bảo sự quản lý của Nhà nước là : giá cả phải đảm bảo cho sản xuất phát triển, thể hiện được sức mua thực tế của đồng tiền, sản xuất không bị lỗ, có lãi, phản ánh được giá trị thực của sản phẩm, có tính đến quan hệ cung cầu của xã hội và giá cả thế giới. Người sản xuất phải được chủ động quyết định giá cả hợp lý.

**I. QUYỀN HẠN CỦA XÍ NGHIỆP**

1. Đối với những mặt hàng do Nhà nước định giá :

- Xí nghiệp xây dựng đầy đủ chính xác giá thành, kiến nghị mức giá bán của xí nghiệp đối với những sản phẩm do xí nghiệp sản xuất, trình Ủy ban nhân dân quyết định.

- Những mặt hàng xí nghiệp sản xuất theo cân đối vật tư của Trung ương, xí nghiệp chủ động kiến nghị mức giá bán để trình cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Những mặt hàng ngoài danh mục do Nhà nước định giá.

- Xí nghiệp xây dựng giá thành và định giá tiêu thụ trong khung giá do Ủy ban nhân dân thành phố quy định.

- Sản phẩm không do Ủy ban nhân dân thành phố định giá hoặc chỉ đạo khung giá thì xí nghiệp và khác thỏa thuận định giá trên cơ sở giá thành được tính đúng, tính đủ, và báo cáo cho Ủy ban Vật giá thành phố biết giá từng thời gian.

3. Xí nghiệp được quyền quyết định giá một số loại sản phẩm và dịch vụ sau đây :

- Sản phẩm sản xuất thử, làm mẫu, sản phẩm giới thiệu mặt hàng mới.



- Sản phẩm điều động trong nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất.
- Giá cả các dịch vụ sửa chữa, với những dịch vụ quan trọng thì phải theo giá chuẩn hoặc khung giá của Nhà nước và Ủy ban nhân dân thành phố.
- Sản phẩm sản xuất đơn chiếc theo yêu cầu của khách hàng.
- Giá mua, giá bán các sáng chế, bí quyết kỹ thuật, sở hữu công nghiệp v.v...

4. Được tính thêm vào giá của sản phẩm phần chi phí bổ sung theo yêu cầu của khách hàng hoặc trừ đi khỏi giá bán sản phẩm những chi phí không đáp ứng yêu cầu đã ghi trong hợp đồng được xí nghiệp và khách hàng thỏa thuận.

5. Đối với sản phẩm đạt chất lượng cao : tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn Việt Nam được trợ giá khuyến khích, thời gian từ 1-3 năm tùy loại sản phẩm (cộng thêm 1 tỷ lệ % khuyến khích vào giá bán buôn xí nghiệp).

6. Trong thời hạn hợp đồng, nếu Nhà nước hoặc thành phố có điều chỉnh giá vật tư, tiền lương, các định mức chi phí khác có liên quan đến việc sản xuất sản phẩm thì xí nghiệp có quyền kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh giá bán.

## II. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC XÍ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP QUỐC DOANH

1. Xí nghiệp có trách nhiệm phấn đấu giảm giá thành và phí lưu thông để góp phần ổn định giá cả thị trường xã hội ; nghiêm chỉnh chấp hành chính sách giá cả của Nhà nước ; chủ động lập phương án giá cả đối với các sản phẩm do xí nghiệp sản xuất trình cơ quan thẩm quyền xét duyệt.

2. Ký kết hợp đồng kinh tế, tiêu thụ sản phẩm và dịch vụ với giá cả được Nhà nước quy định. Trong khi chưa có giá chính thức của cấp có thẩm quyền quyết định thì xí nghiệp được áp dụng giá tạm tính, thời hạn tối đa 30 ngày, khi có giá chính thức thì phải thanh toán lại theo giá chính thức.

3. Xí nghiệp có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác kịp thời những tài liệu cần thiết có liên quan đến vấn đề giá thành, giá cả do yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền xét duyệt giá và kiểm tra, thanh tra giá.

## III. VỀ THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT GIÁ

Đối với sản phẩm do *Trung ương và Thành phố định giá*, trong hạch toán, tiêu thụ sản phẩm, thực hiện như sau :

- Thành phố thực hiện chính sách một giá thống nhất, một tỷ giá thống nhất giữa đồng tiền Việt Nam và đồng tiền nước ngoài có tính đến giá trị của sản phẩm, đến chính sách sản xuất và tiêu dùng của Đảng và Nhà nước ; đến giá mà xã hội chấp nhận và giá cả nước ngoài... trong việc mua bán các sản phẩm và sẽ được điều chỉnh kịp thời khi không còn phù hợp. Trên cơ sở đó, trong quá trình hạch toán chi phí sản xuất và kết quả của hoạt động sản xuất – kinh doanh, các xí nghiệp thực hiện cơ chế một giá và một tỷ giá thống nhất.

- Đối với các sản phẩm do Trung ương và thành phố định giá, xí nghiệp phải chuyển đổi theo cơ chế một giá, một tỷ giá thống nhất do Trung ương và thành phố quy định. Mọi khoản chênh lệch giá (nếu có) do thực hiện việc chuyển đổi theo cơ chế một giá, một tỷ giá thống nhất, xí nghiệp phải nộp vào ngân sách.

Sở Tài chính cùng Ủy ban Vật giá tổ chức làm thủ ở một số xí nghiệp, rút kinh nghiệm.

## PHẦN THỨ TÁM

### QUYỀN TỰ CHỦ CỦA XÍ NGHIỆP TRONG TIÊU THỤ

#### SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ, SẢN XUẤT

#### HÀNG XUẤT KHẨU VÀ XUẤT NHẬP KHẨU

### I. QUAN HỆ GIỮA THƯƠNG NGHIỆP VÀ XÍ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP QUỐC DOANH

1. Các xí nghiệp thông qua thương nghiệp xã hội chủ nghĩa được Nhà nước chỉ định để tiêu thụ sản phẩm hàng hóa theo kế hoạch Nhà nước và hợp đồng kinh tế.

2. Đối với những sản phẩm không có kế hoạch phân phối bán buôn, thì xí nghiệp giao thẳng đến cơ sở bán lẻ của thương nghiệp theo sự thỏa thuận giữa 2 bên nếu không có được sự thỏa thuận, xí nghiệp có thể tự tổ chức tiêu thụ và phải tuân theo các chính sách giá cả và quản lý thị trường của Nhà nước.

3. Tùy theo loại xí nghiệp và sản phẩm làm ra, một số xí nghiệp (do Sở chủ quản quyết định) được phép mở các cửa hàng bán giới thiệu sản phẩm mới để thăm

dò dư luận người tiêu dùng về mẫu mã, về giá cả... nhưng hai bên xí nghiệp và cơ quan thương nghiệp cần có sự phối hợp nhau.

4. Đối với một số mặt hàng là tư liệu sản xuất :

- Xí nghiệp ký tiêu thụ trực tiếp với khách hàng.

- Xí nghiệp mở cửa hàng giới thiệu, bán (nếu có khả năng), làm dịch vụ sửa chữa. Tùy nhu cầu, xí nghiệp có thể đặt đại lý ở những nơi cần thiết được chính quyền sở tại cho phép (trong cả khu vực phía nam).

5. Đối với một số mặt hàng kim khí tiêu dùng như xe đạp, xe gắn máy, quạt bàn... nếu các địa phương có yêu cầu, xí nghiệp có thể cùng địa phương mở cửa hàng bán, dịch vụ lắp ráp...

6. Đối với mặt hàng công nghiệp thực phẩm cần có cơ chế tiêu thụ phù hợp để bớt trung gian, bảo đảm được chất lượng, hương vị (danh mục do thương nghiệp hướng dẫn sau).

## II. QUYỀN TỰ CHỦ CỦA XÍ NGHIỆP TRONG SẢN XUẤT HÀNG XUẤT KHẨU VÀ XUẤT NHẬP KHẨU

1. Thành phố khuyến khích các xí nghiệp sản xuất nhiều sản phẩm xuất khẩu, sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu, đồng thời hạn chế nhập khẩu các sản phẩm mà khả năng trong nước có thể sản xuất được (các Sở có sản xuất công nghiệp và Liên hiệp xã thành phố trình danh mục mặt hàng trong nước sản xuất được để Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định cấm nhập nhằm bảo tồn sản xuất nội địa).

2. Các xí nghiệp có sản xuất hàng xuất khẩu được quyền trực tiếp tiếp cận với thị trường nước ngoài để tìm hiểu nhu cầu thị hiếu, ký kết hợp đồng kinh tế với nước khách hàng theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố. Mọi chi phí về tiếp cận thị trường ngoài nước xí nghiệp tự đài thọ. Ban đầu xí nghiệp chưa có ngoại tệ mà có yêu cầu cần thiết thì xí nghiệp có thể vay và chịu trách nhiệm trả.

3. Các xí nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu sau khi hoàn thành kế hoạch về sản xuất, thực hiện đầy đủ hợp đồng giao hàng xuất khẩu thì được hưởng 10% ngoại tệ thực thu (ngoại tệ thu được do xuất khẩu – chi phí ngoại tệ để sản xuất hàng xuất khẩu). Cơ quan tài chính sẽ hướng dẫn thi hành.

4. Thành phố khuyến khích các xí nghiệp sản xuất sản phẩm thay nhập khẩu. Căn cứ vào đơn hàng nhập khẩu mà thành phố duyệt nếu xí nghiệp nhận sản xuất sản phẩm thay nhập khẩu thì được hưởng quyền sử dụng từ 10-20% giá trị số vật tư phải nhập bằng ngoại tệ được Nhà nước cấp trong vòng từ 1-3 năm tùy loại sản phẩm. Chi trả cho xí nghiệp số tiền này lấy từ kim ngạch của kế hoạch chi để nhập khẩu.

- Đối với sản phẩm là tư liệu sản xuất : được hưởng 20% trong vòng 2-3 năm

- Đối với sản phẩm là tư liệu sinh hoạt : được hưởng 10% trong vòng từ 1 năm.

5. Các xí nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu có quyền mở tài khoản ở Ngân hàng ngoại thương và được sử dụng theo yêu cầu sản xuất. Số tiền mặt ngoại tệ phải để lại ngân hàng ngoại thương.

## PHẦN THỨ CHÍN

### **QUYỀN TỰ CHỦ CỦA CÁC XÍ NGHIỆP TRONG VIỆC KÝ KẾT**

### **VÀ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG KINH TẾ**

#### **I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ HỢP ĐỒNG KINH TẾ**

1. Hợp đồng kinh tế (HĐKT) là một trong các căn cứ quan trọng để xây dựng và thực hiện kế hoạch của xí nghiệp, là phương tiện để kết hợp kế hoạch với thị trường ; là căn cứ để xử lý các tranh chấp kinh tế giữa các xí nghiệp với nhau, giữa xí nghiệp với tổ chức kinh tế khác.

Mọi hoạt động kinh tế giữa các xí nghiệp với nhau, giữa xí nghiệp với các đơn vị, tổ chức kinh tế khác đều phải được thể hiện qua các hợp đồng kinh tế.

- Nếu là hợp đồng kinh tế ký theo chỉ tiêu kế hoạch giao thì không cần qua duyệt.

- Nếu ký ngoài chỉ tiêu kế hoạch giao thì Giám đốc sở được thành phố ủy quyền duyệt.

- Nếu ký với nước ngoài, Ủy ban nhân dân thành phố duyệt hoặc ủy quyền duyệt.

Các bên ký hợp đồng kinh tế phải có tư cách pháp nhân và đều bình đẳng trước pháp luật. Mọi sự vi phạm hợp đồng kinh tế phải được xử lý theo chế độ hợp đồng

kinh tế.

2. Trường hợp hợp đồng kinh tế bị vi phạm vì Trọng tài kinh tế có thẩm quyền xử lý theo quy định.

3. Việc ký kết hợp đồng kinh tế giữa các đơn vị kinh tế quốc doanh phải gắn với trình tự kế hoạch hóa, như sau :

- Ký hợp đồng kinh tế trên cơ sở hướng dẫn để xây dựng kế hoạch và bảo vệ kế hoạch trước cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp.

- Sau khi được giao chỉ tiêu kế hoạch chính thức, các bên ký hợp đồng kinh tế điều chỉnh lại hợp đồng đã ký theo chỉ tiêu kế hoạch chính thức.

- Trong quá trình thực hiện kế hoạch và thực hiện hợp đồng kinh tế, xí nghiệp có thể điều chỉnh hợp đồng đã ký hoặc ký các hợp đồng kinh tế bổ sung.

- Thanh toán, quyết toán việc thực hiện hợp đồng kinh tế phải gắn liền với quyết toán thực hiện kế hoạch.

## II. NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ TRỌNG TÀI KINH TẾ

4. Các cơ quan trọng tài kinh tế thực hiện đúng chức năng quản lý chế độ hợp đồng kinh tế và xét xử các tranh chấp, vi phạm hợp đồng kinh tế nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên ký kết hợp đồng kinh tế, qua đó, giúp các đơn vị tháo gỡ khó khăn, hoàn thành kế hoạch Nhà nước.

Cơ quan trọng tài kinh tế phải làm tốt công tác tham mưu cho Ủy ban nhân dân trong việc cải tiến cơ chế quản lý kinh tế, cải tiến chế độ hợp đồng kinh tế, theo hướng xóa bỏ bao cấp, bảo đảm quyền tự chủ của cơ sở, thúc đẩy sản xuất và ổn định phân phối lưu thông.

5. Các hợp đồng kinh tế ký kết giữa các đơn vị có đầy đủ tư cách pháp nhân không phải đăng ký ở Trọng tài kinh tế mà cần gọi Trọng tài kinh tế cấp tương đương để theo dõi.

6. Khi có tranh chấp, vi phạm hợp đồng kinh tế mà các bên ký hợp đồng không tự bàn bạc giải quyết được, có một bên yêu cầu thì Trọng tài kinh tế xem xét, giải quyết theo pháp luật về hợp đồng kinh tế. Các bên vi phạm hợp đồng ngoài việc bồi thường thiệt hại do mình gây ra, phải trả một khoản lệ phí cho Trọng tài kinh tế theo

quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

Đối với các vụ tranh chấp, vi phạm hợp đồng kinh tế mà đương sự không chịu khiếu nại, Trọng tài kinh tế phát hiện và xử lý, thì Trọng tài kinh tế được trích 10% số tiền phạt vi phạm hợp đồng và 1% số tiền bồi thường đối với vụ vi phạm hợp đồng.

7. Nếu không tán thành quyết định xét xử của cơ quan Trọng tài kinh tế có thẩm quyền xét xử, các bên đương sự có quyền kháng cáo lên cơ quan Trọng tài kinh tế cao hơn. Trong khi chờ xét xử kháng cáo và quyết định của Trọng tài cấp trên, các bên phải chấp hành quyết định xét xử của Trọng tài kinh tế có thẩm quyền. Quyết định xét xử kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố có giá trị cuối cùng.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH